

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ



PHAN THỊ XUÂN PHƯƠNG

TÓM TẮT ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

**KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO
TẠI CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG**

Ngành: Kế toán

Mã số: 8340103

Đà Nẵng, 2024

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐN

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Trương Bá Thanh

Phản biện 1: TS. PHẠM HOÀI THƯỜNG

Phản biện 2: TS. NGUYỄN TRỌNG HIẾU

Đề án đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm đề án tốt nghiệp
thạc sĩ Kế toán tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào
ngày 14 tháng 09 năm 2024

Có thể tìm hiểu đề án tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Bối cảnh, hoàn cảnh ra đời của đề án

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hàng tồn kho là một bộ phận quan trọng của tài sản ngắn hạn và là một yếu tố không thể thiếu. Hàng tồn kho đóng vai trò như một nền tảng thiết yếu để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh được diễn ra liên tục. Tuy nhiên, đây cũng là khâu dễ xảy ra sai sót và gian lận trong quá trình mua sắm, lưu trữ và sử dụng. Vì vậy, để quản lý số lượng và giá trị hàng tồn kho một cách khoa học và rõ ràng, mỗi doanh nghiệp cần chọn phương pháp xác định giá trị và mô hình dự trữ hàng tồn kho phù hợp với đặc thù kinh doanh của mình. Ngoài ra, giá trị hàng tồn kho còn là cơ sở để tính toán chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc quản lý và sử dụng hàng tồn kho một cách hợp lý sẽ tác động mạnh mẽ đến việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Từ những nhận thức trên, cũng như qua quá trình thực tế tại Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng, bản thân tác giả nhận thấy công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần quyết định đến tình hình sản xuất kinh, kinh doanh của Công ty, do đó tác giả lựa chọn đề tài **“Kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng”** làm đề án tốt nghiệp của bản thân với mong muốn nghiên cứu sâu hơn về công tác kế toán hàng tồn kho đối với doanh nghiệp liên quan đến ngành điện lực.

2. Mục tiêu phạm vi của đề án

2.1. Mục tiêu của đề án

Đề án nhằm tổng hợp, khái quát hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán hàng tồn kho tại doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, thực trạng kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng, từ đó đưa ra một số kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề án tập trung nghiên cứu thực trạng kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng trong giai đoạn 2021-2023.

3. Tầm quan trọng và tác động của đề án

Thông qua việc nghiên cứu nội dung đề án kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng, tác giả có thể tìm hiểu được việc áp dụng những lý thuyết đã học cũng như các quy định của pháp luật vào thực tế, từ đó tác giả có thể rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong quá trình công tác.

4. Kết cấu của đề án

Ngoài phần Mở đầu và phần Kết luận, đề án gồm hai chương, cụ thể:

Chương 1: Báo cáo thực tế về kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng.

Chương 2: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng.

CHƯƠNG 1. THỰC TẾ VỀ KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG

1.1. Khái quát về Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng

1.1.1. Giới thiệu về Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng

1.1.1.1. Về đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng

Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng là một doanh nghiệp nhà nước với 100% vốn thuộc sở hữu của nhà nước, do Chủ tịch Tổng công ty Điện lực miền Trung đại diện chủ sở hữu. Công ty hoạt động dưới sự quản lý của Luật Doanh nghiệp, theo quy định và phân cấp của Tổng Công ty Điện lực miền Trung cũng như theo Điều lệ của Công ty. Công ty tập trung vào hai lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất kinh doanh điện năng và các sản phẩm dịch vụ khác.

1.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Công ty bắt đầu hoạt động dựa trên việc tiếp quản các nhà máy Diesel và hệ thống lưới điện do Công ty SIPEA và CVĐ để lại, với tên gọi ban đầu là Sở Quản lý và Phân phối điện Quảng Nam - Đà Nẵng. Vào tháng 5 năm 1981, đơn vị này được đổi tên thành Sở Điện lực Quảng Nam - Đà Nẵng. Đến năm 1996, khi ngành Điện chuyển sang mô hình hạch toán kinh doanh và chức năng quản lý Nhà nước về điện được chuyển giao cho các Sở Công nghiệp, Sở Điện lực một lần nữa được đổi tên thành Điện lực Quảng Nam - Đà Nẵng.

Trong hơn 45 năm xây dựng và phát triển, với sự quan tâm sâu sát từ lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Tập đoàn, Công ty đã không ngừng lớn mạnh trên mọi lĩnh vực.

1.1.1.3. Phương hướng phát triển của Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng trong tương lai

*** Về mục tiêu**

Một là: Đảm bảo cung ứng điện phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng và đời sống nhân dân với chất lượng điện và dịch vụ khách hàng ngày càng được nâng cao.

Hai là: Không để xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, giảm thiểu tai nạn điện trong nhân dân.

Ba là: Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 Tổng công ty giao.

Bốn là: Tăng cường công tác quản lý đầu tư, sửa chữa lớn lưới điện đảm bảo hoàn thành kế hoạch đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn năm 2024.

Năm là: Hoàn thành kế hoạch Chuyển đổi số Tổng công ty giao và kế hoạch Công ty đề ra năm 2024.

Sáu là: Đảm bảo thu nhập, tiếp tục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV; duy trì đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ; chú trọng nhiệm vụ quân sự quốc phòng, công tác xã hội; xây dựng tổ chức Đảng, các đoàn thể chính trị xã hội vững mạnh.

*** Về các chỉ tiêu chính trong năm 2024**

Một là: Sản lượng điện thương phẩm đạt 3.531 triệu kWh.

Hai là: Giá bán điện bình quân đạt 2.314 đ/kWh.

Ba là: Tồn thất điện năng: $\leq 2,3\%$.

Bốn là: Tồn thất điện năng các cấp điện áp:

Năm là: Độ tin cậy cung cấp điện:

Sáu là: Hoàn thành chỉ tiêu về suất sự cố lưới điện và độ tin cậy cung cấp điện Tổng Công ty điện lực Miền Trung giao; chỉ số SAIDI tổng hợp năm 2024 mức phấn đấu dưới 400 phút/khách hàng/năm, hướng đến mục tiêu đạt dưới 300 phút/khách hàng/năm vào năm 2025.

Bảy là: Các chỉ tiêu kinh doanh và dịch vụ khách hàng thực hiện đạt và vượt kế hoạch EVNCPC giao.

Tám là: Kế hoạch vốn sửa chữa lớn ở mức 44,905 tỷ đồng.

Chín là: Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng ở mức 352,538 tỷ đồng.

1.1.2. Tổ chức sản xuất, kinh doanh và tổ chức quản lý kinh doanh của Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng

1.1.2.1. Tổ chức sản xuất, kinh doanh

Ngành điện lực đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, là một ngành sản xuất công nghiệp then chốt vì mọi ngành sản xuất khác đều cần điện để hoạt động.

Quy trình công nghệ kỹ thuật trong ngành điện lực là một hệ thống hoàn chỉnh, bao gồm các khâu then chốt: phát điện, truyền tải và phân phối điện. Đây là một chuỗi hoạt động khép kín, trong đó mỗi giai đoạn có sự tương tác trực tiếp và liên tục với nhau.

Việc sản xuất điện được giao cho các nhà máy điện đảm nhận. Sản phẩm của các nhà máy điện là sản lượng điện đã sản xuất ra trừ đi lượng điện dùng để sản xuất điện, sản lượng điện này gọi là điện thanh cái.

Ở các doanh nghiệp điện lực, bên cạnh mục tiêu là hiệu quả kinh doanh, thì mục tiêu phục vụ chính trị và phục vụ xã hội cũng được đặt lên hàng đầu. Thậm chí có những lúc mục tiêu phục vụ chính trị và phục vụ xã hội phải được đặt lên trên mục tiêu hiệu quả kinh doanh.

1.1.2.2. Đặc điểm tổ chức quản lý

Đứng đầu Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, có trách nhiệm chỉ đạo điều hành và quản lý chung mọi hoạt động của Công ty. Giúp việc cho Giám đốc trong quản lý điều hành chung toàn Công ty là các Phó Giám đốc, tùy từng lĩnh vực cụ thể Công ty có Phó Giám đốc Kỹ thuật, Phó Giám đốc đầu tư xây dựng và Phó Giám đốc Kinh doanh.



Sơ đồ 1.1: Tổ chức bộ máy Công ty

1.1.2.3. Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận, sự phối hợp giữa các bộ phận trong việc thực hiện nhiệm vụ tại Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng

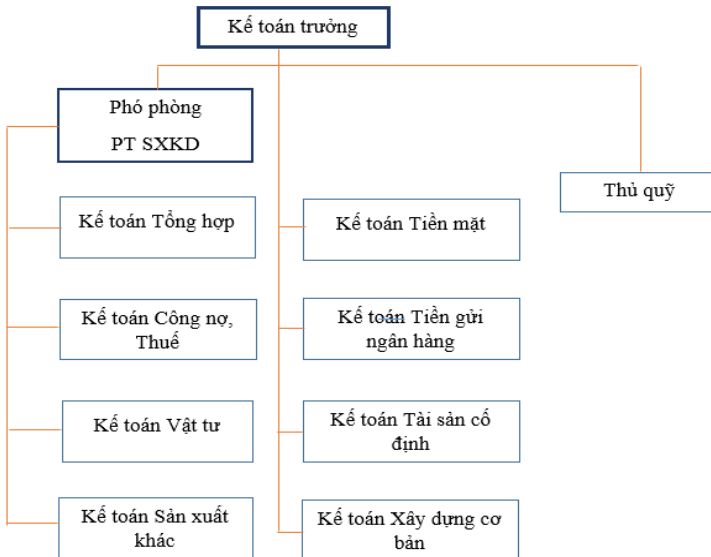
- Phòng Kế hoạch - Vật tư
- Phòng Tài chính - Kế toán
- Phòng Kinh doanh
- Phòng Tổ chức - Nhân sự
- Phòng Công nghệ Thông tin
- Văn phòng
- Phòng Thanh tra - Bảo vệ - Pháp chế
- Phòng Kỹ thuật: Quản lý
- Phòng Kiểm tra Giám sát Mua bán Điện
- Phòng An toàn: Phòng Quản lý Đầu tư

- Phòng Quản lý Đấu thầu
- Ban Quản lý Dự án
- Đội Sửa chữa Nóng Lưới điện
- Đội Thí nghiệm - Đo lường
- Đội Quản lý Vận hành 110kV

1.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng

1.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán

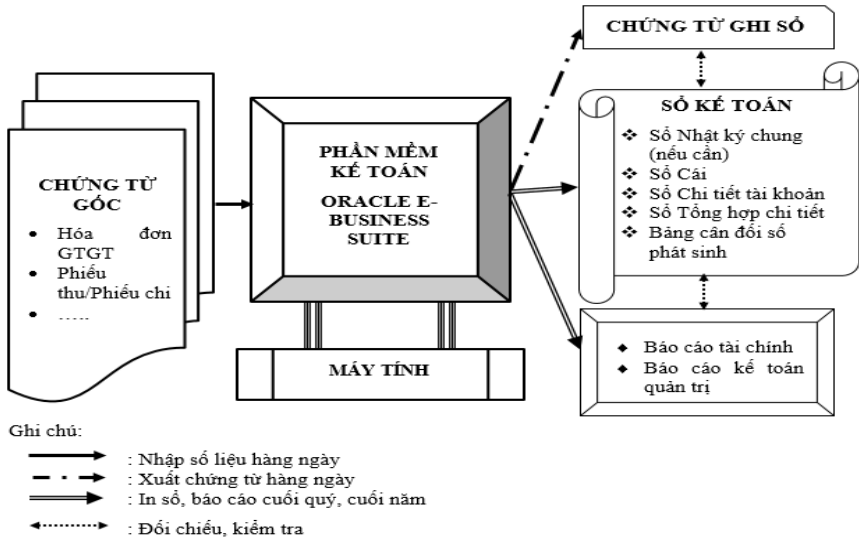
Phòng Tài chính - Kế toán chịu trách nhiệm tham mưu và tư vấn cho ban lãnh đạo về các vấn đề liên quan đến tài chính và kế toán, bao gồm: tổ chức, thực hiện và kiểm tra toàn diện các hoạt động kế toán; hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ; phối hợp với các phòng ban khác trong việc lập kế hoạch tài chính, kế hoạch quản trị ngắn hạn và dài hạn; lập báo cáo tài chính theo quy định hàng quý, 6 tháng, và hàng năm theo yêu cầu của Tổng Công ty và các cơ quan nhà nước liên quan.



Sơ đồ 1.2: Tổ chức bộ máy kế toán

1.1.3.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ kết hợp với phần mềm kế toán Oracle E-Business Suite. Cơ sở chính để ghi vào sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ. Quy trình ghi sổ kế toán tại Công ty được thực hiện như sau:



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán

1.1.3.3. Chế độ, chính sách kế toán vận dụng

Chế độ kế toán đang áp dụng tại Công ty: Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên; Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình): Khấu hao theo đường thẳng; Phương pháp hạch toán thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ; Hệ thống Báo cáo tài chính: Công ty lập theo quy định của Bộ Tài chính bao gồm bảng cân đối

kế toán, báo cáo KQKD, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.

1.2. Đánh giá thực trạng về kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng

1.2.1. Thực trạng kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng

1.2.1.1. Đặc điểm hàng tồn kho tại Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng

Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng là Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh Điện, do đó hàng tồn kho của Công ty rất đa dạng, nhiều chủng loại, theo đặc điểm tính, chất hàng tồn kho tại Công ty được phân thành 10 nhóm cụ thể như sau:

- (1) Nhóm vật tư thiết bị dự phòng cho sửa chữa thường xuyên
- (2) Nhóm vật tư thiết bị dự phòng chiến lược
- (3) Nhóm vật tư thiết bị dự phòng cho sửa chữa lớn
- (4) Nhóm vật tư thiết bị xây dựng cơ bản trong kế hoạch cấp theo tiến độ công trình
- (5) Nhóm vật tư thiết bị xây dựng cơ bản không sử dụng hết cho công trình đã hoàn thành tồn kho
- (6) Nhóm vật tư thiết bị thu hồi từ các công trình sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn, đầu tư xây dựng
- (7) Nhóm vật tư thiết bị phát tiến độ nhà thầu
- (8) Nhóm nhiên liệu, dầu mỡ và công cụ dụng cụ chưa phân bổ
- (9) Nhóm vật tư thiết bị thu hồi cần phục hồi sửa chữa
- (10) Nhóm vật tư thiết bị tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng cần thanh lý (bao gồm cả vật tư thiết bị đã có Quyết định thanh lý)

1.2.1.2. Về tài khoản kế toán

Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng sử dụng các tài khoản sau để phản ánh hàng tồn kho bao gồm: TK 151, TK 152, TK 153, TK 154 và TK 229. Do đặc điểm hoạt động trong lĩnh vực đặc thù kinh doanh mua bán điện nên từ các TK cấp 1 nói trên tùy từng trường hợp cụ thể

Công ty có thể mở thêm các TK cấp 2, cấp 3... để thuận tiện trong việc theo dõi chi tiết, có TK Công ty mở thêm đến TK cấp 6. (Phụ lục số 01)

1.2.1.3. Ghi nhận hàng tồn kho

Ghi nhận ban đầu:

Hàng tồn kho của Công ty hầu hết hình thành do mua ngoài (mua hàng trong nước và nhập khẩu) nên giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá gốc} & \text{Trị giá} & \text{Chi phí trực} & \text{Các khoản thuế} & \text{Các khoản} \\ \text{Hàng} & \text{mua ghi} & \text{tiếp phát} & \text{không được hoàn} & \text{CKTM,} \\ \text{tồn kho} & \text{trên hóa} & \text{sinh trong} & \text{lại hoặc không} & \text{giảm giá} \\ & \text{đơn} & \text{khâu mua} & \text{được khấu trừ} & \text{hàng mua} \end{array}$$

Trong đó:

- Trị giá mua ghi trên hóa đơn là giá mua chưa thuế GTGT (vì công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).

- Chi phí trực tiếp phát sinh trong khâu mua là các chi phí phát sinh trong quá trình mua hàng như chi phí vận chuyển, bốc xếp, (nếu có)

- Các khoản thuế không được hoàn lại hoặc không được khấu trừ như thuế nhập khẩu, thuế TTĐB,...

$$\begin{array}{rcccl} \text{Thuế} & \text{Số lượng hàng hóa} & \text{Giá tính thuế} & & \\ \text{nhập} & \text{nhập khẩu ghi trên tờ} & \text{của từng mặt} & \text{x} & \text{Thuế suất thuế} \\ \text{khẩu} & \text{khai hải quan} & \text{hàng nhập khẩu} & & \text{nhập khẩu} \end{array}$$

$$\text{Thuế TTĐB} = (\text{Trị giá hàng hoá NK} + \text{Thuế NK}) \times \text{Thuế suất Thuế TTĐB}$$

Đối với hàng tồn kho hình thành do nhập khẩu, trị giá mua của hàng tồn kho được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ kinh tế, còn các khoản thuế được quy đổi ra VND theo tỷ giá của hải quan.

Ghi nhận cuối kỳ:

Công ty ghi nhận hàng tồn kho cuối kỳ theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Trong đó, giá gốc bao gồm tất

cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để bán được hàng tồn kho.

Tính trị giá hàng tồn kho:

Công ty tính trị giá hàng xuất kho và hàng hóa tồn kho cuối kỳ theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ.

$$\text{Giá trị thực tế hàng hóa xuất kho} = \text{Số lượng hàng hóa xuất kho} \times \text{Đơn giá xuất kho bình quân cuối kỳ}$$

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế hàng hoá nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hoá nhập kho trong kỳ}}$$

Trên phần mềm kế toán, để tính giá xuất kho hàng hóa, kế toán thực hiện thao tác như sau: Vào phân hệ Kho/Tính giá xuất kho. Sau đó, chọn khoảng thời gian cần tính giá xuất kho, chọn tính giá theo kho hoặc tính giá không theo kho. Nếu tính giá theo kho thì giá của hàng hóa sẽ được tính bình quân trên từng kho, nếu tính giá không theo kho thì giá của từng hàng hóa sẽ được tính bình quân trên tất cả các kho. Sau đó, nhấn nút “Thực hiện” để tính giá xuất kho cho hàng hóa. Lúc này, phần mềm kế toán sẽ tự động tính giá xuất kho cho hàng hóa theo phương pháp tính giá kế toán đã lựa chọn.

1.2.1.4. Kế toán chi tiết hàng tồn kho

Hiện nay, Công ty đang áp dụng phương pháp thẻ song song để kế toán chi tiết hàng tồn kho. Trình tự kế toán chi tiết hàng tồn kho như sau:

- Tại kho: Hàng ngày, thủ kho sử dụng “Thẻ kho” để ghi chép số lượng hàng hóa nhập kho và xuất kho. Cuối tháng, thủ kho cộng tổng số lượng hàng hóa nhập, xuất kho và xác định số lượng tồn kho của từng loại hàng hóa.

- Tại phòng kế toán: Hàng ngày, căn cứ vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, kế toán ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên phần mềm kế toán. Số liệu được tự động cập nhật lên các sổ kế toán chi tiết. Định kỳ, thủ kho và kế toán tiến hành đối chiếu số liệu giữa thẻ kho và sổ kế toán chi tiết. Sau khi đối chiếu số liệu khớp đúng, kế toán lập bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn kho.

1.2.1.5. Kế toán tổng hợp hàng tồn kho

*** Về quy trình luân chuyển chứng từ kế toán:**

- Đối với chứng từ nhập kho:

(1) Khi hàng hóa được đưa về công ty, nhân viên mua hàng hoặc người chịu trách nhiệm nhập hàng sẽ lập yêu cầu nhập kho.

(2) Kế toán kho nhận yêu cầu này và tiến hành lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho được tạo thành 03 liên: 01 liên lưu tại quyển, và 02 liên chuyển cho thủ kho.

(3) Sau khi phiếu nhập kho được lập, nhân viên mua hàng hoặc người nhập hàng ký xác nhận vào phiếu và bàn giao hàng hóa cho thủ kho.

(4) Hàng hóa sau đó sẽ được thủ kho kiểm đếm và nhập kho. Trong trường hợp phát hiện hàng hóa bị thừa hoặc thiếu sau khi kiểm đếm, thủ kho phải lập biên bản và báo cáo ngay với người có trách nhiệm để xử lý theo quy định. Sau khi hoàn tất nhập kho, thủ kho sẽ ký nhận hàng vào phiếu nhập kho, lưu lại một liên và cập nhật thông tin vào thẻ kho, một liên giao lại cho kế toán kho, và một liên đưa cho người nhập hàng.

(5) Dựa trên phiếu nhập kho, kế toán sẽ tiến hành hạch toán hàng hóa nhập kho trên phần mềm kế toán và ghi sổ kế toán..

- Đối với chứng từ xuất kho:

(1) Khi có nhu cầu sử dụng hoặc bán hàng, nhân viên liên quan sẽ lập phiếu yêu cầu xuất kho.

(2) Kế toán kho sau đó sẽ lập Phiếu xuất kho và chuyển đến thủ kho. Phiếu xuất kho được lập thành 03 liên: 01 liên lưu tại quầy, và 02 liên chuyển đến thủ kho.

(3) Thủ kho sau khi nhận được Phiếu xuất kho sẽ tiến hành xuất kho hàng hóa theo yêu cầu.

(4) Nhân viên nhận hàng ký vào Phiếu xuất kho và giữ lại 01 liên.

(5) Thủ kho nhận lại 01 liên Phiếu xuất kho, ghi vào thẻ kho, sau đó trả Phiếu xuất kho cho kế toán.

(6) Kế toán thực hiện hạch toán hàng xuất kho trên phần mềm kế toán và ghi vào sổ kế toán.

*** Kế toán tăng hàng tồn kho**

Khi Công ty mua vật tư trong nước về nhập kho, vật tư sẽ được bên bán chuyển đến kho của Công ty, Công ty kiểm nhận hàng và làm thủ tục nhập kho. Chi phí vận chuyển hàng hóa sẽ do bên bán chịu toàn bộ. Vì vậy, giá mua trên hóa đơn là giá trị thực tế nhập kho của vật tư. Kế toán căn cứ vào hóa đơn do bên bán lập để ghi tăng giá trị vật tư trên phần mềm kế toán. Sau khi ghi tăng giá trị vật tư, thông tin về vật tư sẽ được phần mềm kế toán tự động cập nhật trên sổ kế toán chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa), sổ nhật ký chung và sổ cái TK 152.

*** Kế toán giảm hàng tồn kho**

Khi nhận được phiếu đề xuất của đơn vị thi công XD CB, kế toán vật tư kiểm tra trên phần mềm kế toán số lượng vật tư cần xuất có đảm bảo theo yêu cầu hay không. Sau khi nhập các dữ liệu có liên quan đến đơn vị nhận vật tư, công trình thi công, các loại vật tư... kế toán in phiếu xuất kho.

Kế toán vật tư tiếp tục thực hiện việc xuất hàng và in phiếu giao hàng trên phần mềm kế toán. Sau khi nhập đầy đủ các dữ liệu kế toán vật tư tiến hành in Phiếu giao hàng, Phiếu giao hàng được lập thành 04 liên

và bao gồm chữ ký của các bộ phận: Thủ kho, người nhận hàng. Bộ chứng từ xuất kho sẽ bao gồm Phiếu xuất kho và Phiếu giao hàng có đủ chữ ký sẽ được giao: 01 liên cho người nhận hàng, 01 liên chuyển bộ phận vật tư, 01 liên chuyển bộ phận kế toán, 01 liên thủ kho lưu.

Trong quá trình nhập các nội dung liên quan đến vật tư cần xuất trên phiếu giao hàng, phần mềm kế toán sẽ tự tính giá trị vật tư xuất kho trên phiếu giao hàng và các bút toán hạch toán. Các thông tin liên quan đến hàng hóa xuất kho được tự động cập nhật trên sổ chi tiết vật liệu, sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK 152

Trên phần mềm kế toán, kế toán chọn dữ liệu các nội dung theo yêu cầu như mã vật tư, tên nhãn hiệu quy cách vật tư, lô vật tư, đơn vị tính, số lượng yêu cầu, sau đó in phiếu xuất kho (*Phụ lục số 05*).

Kế toán vật tư tiếp tục nhập thông tin vật tư vào phiếu giao hàng trên phần mềm kế toán bao gồm: Mã vật tư, Tên nhãn hiệu quy cách vật tư, Lô, Số lượng (yêu cầu, thực xuất), tài khoản hạch toán. Khi kế toán chọn loại vật tư và số lượng vật tư xuất trên phần mềm kế toán, phần mềm kế toán sẽ tự cho ra đơn giá của từng loại vật tư và tự tính số tiền tương ứng với số lượng xuất kho. (*Phụ lục số 06*)

1.2.1.6. Kiểm kê hàng tồn kho

Tại Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng, việc kiểm kê hàng tồn kho được thực hiện 06 tháng/lần để xác định lượng hàng tồn kho thực tế so với sổ sách cũng như xem tình hình sản phẩm còn đủ phẩm chất hay không.

Quy trình kiểm kê như sau:

Bước 1: Từ hệ thống phần mềm kế toán của Công ty, Thủ kho xác định số lượng HTK của từng mặt hàng và lập bảng kê hàng tồn kho.

* **Tạo đợt kiểm kê trên phần mềm kế toán**

* **Khởi tạo các thẻ đếm của đợt kiểm kê**

Bước 2: Thành lập Hội đồng kiểm kê do Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty làm Chủ tịch hội đồng, các thành viên bao gồm: Kế toán trưởng

Công ty - Ủy viên thường trực, Trưởng phòng Kế hoạch & Vật Tư, Trưởng Phòng Kỹ thuật.

Bước 3: Đối chiếu số liệu kiểm đếm thực tế với số lượng trên báo cáo.

Các cá nhân được giao kiểm đếm số lượng thực tế vật tư thiết bị tại kho và điền số liệu trực vào các thẻ đếm, các thẻ đếm được giao cho Kế toán để nhập số liệu vào hệ thống phần mềm kế toán. Cách thức nhập số liệu sau khi kiểm đếm vào phần mềm kế toán như sau:

- Vào đường dẫn: (N)INV > Countings > Physical Inventory> EVN Physical Inventory

- Thực hiện truy vấn đến đợt kiểm kê muốn nhập kết quả bằng cách nhấn F11, Ctrl F11 sau đó Nhấn (B) Counts hiện ra màn hình Physical Inventory Tag Counts nhấn Find để hiển thị dữ liệu kiểm kê tại kho đó.

Bước 4: Nếu có chênh lệch, điều chỉnh lại số liệu tồn kho đúng theo thực tế.

Các điều chỉnh số liệu tồn kho đúng thực tế như sau: Trên phần mềm kế toán, kế toán thực hiện các thao tác:

Vào đường dẫn: (N)INV > Countings > Physical Inventory>EVN Physical Inventory

- Truy vấn đến đợt kiểm kê muốn duyệt kết quả

Vào (M)Tools > Launch Adjustments hiện ra màn hình Launch Adjustments người dùng nhập các thông tin Transaction Number : Số phiếu điều chỉnh Adjustment Account: Chọn Tài khoản muốn hạch toán điều chỉnh (trong danh sách khai báo sẵn từ phân hệ GL), Adjustment Date: Nhập ngày điều chỉnh, nhấn (B)Launch Adjustments để phê duyệt kết quả hệ thống tự động sinh số phiếu điều chỉnh tại trường Transaction Number Created> Ghi lại số phiếu điều chỉnh để in phiếu.

Bước 5: Lập biên bản kiểm kê hàng tồn kho sau khi hoàn tất, các bên liên quan ký xác nhận đầy đủ.

Có thể nhận thấy việc kiểm kê của Công ty được thực hiện rất chặt chẽ với sự tham gia của các cán bộ cốt cán trong Công ty, cho thấy sự qua tâm của lãnh đạo Công ty đối với hàng tồn kho tại đơn vị. Kết quả

kiểm kê đã đánh giá, phân loại và hướng xử lý đối với các vật tư kém phẩm chất.

1.2.2. Những kết quả đạt được và những hạn chế thách thức trong công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng

1.2.2.1. Những kết quả đạt được

**** Về bộ máy kế toán:***

Bộ máy kế toán của Công ty hoạt động theo mô hình tập trung, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các kế toán phụ trách từng công việc cụ thể với nhau, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty. Bộ máy kế toán của Công ty hoạt động rất hiệu quả do có sự phân công công việc rõ ràng, cán bộ được đào tạo bài bản có sự kế thừa.

**** Về tổ chức chứng từ kế toán:***

Các chứng từ kế toán được thu thập một cách đầy đủ, từ các giấy đề nghị, tờ trình đến hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận và các chứng từ thanh toán, tất cả đều xác nhận sự phát sinh của doanh thu và chi phí. Bộ chứng từ mà Công ty áp dụng tuân theo mẫu chuẩn được Bộ Tài chính ban hành, đảm bảo phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh.

**** Về hệ thống tài khoản kế toán:***

Công ty sử dụng hệ thống tài khoản kế toán dựa trên thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và hướng dẫn

**** Về ghi chép kế toán:***

Công tác kế toán được thực hiện trên máy tính sử dụng phần mềm Oracle E-Business, một phần mềm hiện đại từ nước ngoài, được chia thành nhiều phân hệ khác nhau, với các tài khoản hạch toán được thiết lập tương ứng cho từng phân hệ.

**** Về kế toán hàng tồn kho tại Công ty:***

(1) Công ty đã xây dựng danh mục hàng tồn kho cho từng mặt hàng và thiết lập trên phần mềm kế toán.

(2) Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng là Công ty chuyên kinh doanh điện và các thiết bị vật tư liên quan đến lĩnh vực điện.

*** Về kế toán chi tiết hàng tồn kho:**

Công ty sử dụng phương pháp ghi thẻ song song để kế toán chi tiết hàng tồn kho. Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra đối chiếu số liệu, đảm bảo độ tin cậy của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh chóng cho ban lãnh đạo công ty.

*** Về kế toán tổng hợp hàng tồn kho:**

Hiện nay, Công ty đang sử dụng phương pháp KCTX để sử dụng trong kế toán hàng tồn kho. Phương pháp này giúp Công ty có thể xác định, đánh giá về số lượng và giá trị hàng tồn kho vào từng thời điểm xảy ra nghiệp vụ.

1.2.2.2. Những hạn chế thách thức

(1) Về hệ thống sổ cái và sổ chi tiết: Qua thực tế, tác giả nhận thấy rằng cả Sổ Cái và Sổ Chi tiết của Công ty đều không có cột tài khoản đối ứng, điều này khác với mẫu Sổ Cái và Sổ Chi tiết được quy định trong Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành. Nguyên nhân là do Công ty sử dụng phần mềm kế toán Oracle E-Business, một phần mềm nước ngoài với các ứng dụng quản trị doanh nghiệp, cho phép quản lý hiệu quả và tự động hóa các mảng nghiệp vụ như kế toán tài chính, thương mại dịch vụ, sản xuất, cung ứng, và quản lý vật tư hàng hóa. Mặc dù theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC và Công văn số 12568/BTC-CKKT ngày 09/9/2015 của Bộ Tài chính, doanh nghiệp không bắt buộc phải có cột tài khoản đối ứng trong sổ kế toán, và Thông tư 200/2014/TT-BTC cũng cho phép doanh nghiệp tự quyết định biểu mẫu sổ kế toán miễn là phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính.

(2) Tác giả nhận thấy việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận, phòng ban trong Công ty không có giấy tờ giao nhận. Điều này sẽ dẫn đến tình trạng mất chứng từ và khi bị mất chứng từ lại không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1, tác giả đã trình bày khái quát về Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng với những đặc điểm liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty; đặc điểm tổ chức quản lý; đặc điểm tổ chức công tác kế toán. Bên cạnh đó, tác giả đã trình bày thực trạng kế toán hàng tồn kho tại Công ty. Thực trạng kế toán hàng tồn kho tại Công ty được thể hiện trên các nội dung: Chứng từ kế toán hàng tồn kho sử dụng tại Công ty, Kế toán chi tiết hàng tồn kho, Kế toán tổng hợp hàng tồn kho. Trên cơ sở phân tích thực trạng kế toán hàng tồn kho tại Công ty, tác giả phân tích những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân. Kết quả nghiên cứu ở chương 1 là những cơ sở quan trọng để tác giả tiếp tục nghiên cứu và đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán hàng tồn kho cho Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng ở Chương 2.

CHƯƠNG 2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG

2.1. Mục tiêu của các giải pháp

Sau đại dịch Covid-19, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do đó, Ban Giám đốc Công ty đã đề ra nhiều chính sách và định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới như:

(1) Công tác kinh doanh và dịch vụ khách hàng phải lấy khách hàng làm trọng tâm, hướng tới việc cung cấp dịch vụ khách hàng ngày càng hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Triển khai các hình thức mới, hỗ trợ, hướng dẫn khách hàng thuận tiện trong việc sử dụng dịch vụ điện trực tuyến khi đến Điện lực.

(2) Quản lý chặt chẽ tính pháp lý của Hợp đồng mua bán điện theo QTKD; tăng cường rà soát công tác áp giá bán điện đúng theo quy định.

(3) Triển khai thí điểm hệ thống AMI (Advanced Metering Infrastructure - công tơ thông minh), đáp ứng tiêu chí chấm điểm Lưới điện thông minh. Tuân thủ công tác chỉnh trang hệ thống đo đếm theo Quy định 5700/QĐ-EVNCPC giai đoạn 2022-2025, góp phần đảm bảo mỹ quan đô thị.

(4) Nâng cao khả năng dự báo phụ tải, đẩy mạnh công tác theo dõi, cập nhật kế hoạch sử dụng điện của khách hàng, đặc biệt là đối với các khách hàng sử dụng điện lớn sử dụng điện trên 01 triệu kWh/năm để xây dựng dữ liệu đầu vào chính xác khi dự báo điện thương phẩm (qua các hình thức liên hệ trực tiếp, xác nhận qua Email, điện thoại), đảm bảo trong sai số cho phép của EVN.

(5) Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hiểu biết của khách hàng về lợi ích của các chương trình Quản lý nhu cầu điện (Demand Side Management/DSM), điều chỉnh phụ tải điện (Demand Response-DR), tiết kiệm điện.... đặc biệt tập trung triển khai trong các tháng đầu năm 2024 trước thời gian nắng nóng, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng xã hội và các kênh chăm sóc khách hàng.

Để có thể thực hiện các mục tiêu nói trên, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hàng tồn kho nói riêng cần nỗ lực phấn đấu, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Đó các việc đề ra các giải pháp nhằm mục tiêu hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty, góp phần thực hiện thắng lợi trong hoạch định sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2. Cơ sở lý thuyết của các giải pháp

** Phải phù hợp với thông lệ và CMKT quốc tế:*

Mỗi quốc gia trên thế giới đều có các quy định khác nhau về kế toán, chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán. Tuy nhiên, tất cả các quốc gia đều phải căn cứ vào thông lệ và CMKT quốc tế để vận dụng cho phù hợp với quốc gia mình. Đối với các doanh nghiệp Việt Nam cũng vậy, khi hoàn thiện kế toán hàng tồn kho, các doanh nghiệp cũng cần đảm bảo sự phù hợp với thông lệ và CMKT quốc tế.

** Phải tuân thủ nguyên tắc, chế độ và chuẩn mực kế toán:*

Việc hoàn thiện kế toán hàng tồn kho cần phải tuân thủ các nguyên tắc, chế độ và chuẩn mực kế toán do nhà nước ban hành. Điều này sẽ giúp công tác kế toán của công ty đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ và được thực hiện thống nhất trong toàn công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý kinh doanh.

** Phải phù hợp với đặc điểm quản lý, kinh doanh của công ty:*

Mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm hoạt động SXKD và yêu cầu quản lý riêng. Vì vậy, mỗi doanh nghiệp cần dựa vào đặc điểm cụ thể về hoạt động SXKD, về năng lực tài chính, về trình độ quản lý,... để có những biện pháp hoàn thiện kế toán hàng tồn kho hiệu quả và phù hợp.

** Phải đáp ứng việc cung cấp thông tin chính xác và kịp thời:*

Các thông tin về kế toán đưa ra phải chính xác, kịp thời, phù hợp với yêu cầu quản lý, giúp cho các nhà quản lý đưa ra được các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu. Đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

** Phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả:*

Hoàn thiện kế toán hàng tồn kho cần dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu này, cùng với việc không ngừng gia tăng doanh thu, doanh nghiệp cần phải có các biện pháp hữu hiệu để tiết kiệm chi phí. Đây cũng là một yêu cầu tất yếu đặt ra với các doanh nghiệp trong nền kinh tế hội nhập quốc tế hiện nay.

2.3. Nội dung của các giải pháp

2.3.1. Về bổ sung nội dung tài khoản đối ứng vào Sổ Chi tiết và Sổ Cái

Hiện nay, hệ thống sổ sách kế toán của Công ty (Sổ chi tiết và Sổ Cái) khi in từ phần mềm ra đều không có cột tài khoản đối ứng, nên có phần gây khó khăn trong công tác kiểm tra, đối chiếu việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Do đó, Công ty có thể thiết kế mẫu sổ cái và sổ chi tiết có thêm cột tài khoản đối ứng để tiện cho việc đối soát tài khoản hạch toán nghiệp vụ phát sinh. Lúc này Sổ Chi tiết và Sổ Cái khi in từ phần mềm sẽ có kết cấu như sau:

2.3.2. Về hoàn thiện chứng từ kế toán

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ hoặc biên bản giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ phải ký nhận vào sổ giao nhận chứng từ hoặc biên bản giao nhận chứng từ. Trên cơ sở đó có thể kiểm tra, đối chiếu việc thất lạc chứng từ, là cơ sở để quy trách nhiệm đúng người, đúng bộ phận nếu như xảy ra tình trạng mất chứng từ để có biện pháp xử lý. Ngoài ra, việc lập sổ giao nhận chứng từ hoặc biên bản giao nhận chứng từ sẽ giúp Công ty quản lý chặt chẽ chứng từ của Công ty, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ công nhân viên đối với công việc nói chung và quản lý chứng từ nói riêng.

2.4. Điều kiện thực hiện các giải pháp

2.4.1. Đối với nhà nước

- Cần tiếp tục nghiên cứu xây dựng môi trường pháp lý lành mạnh để hoạt động kế toán được phát triển một cách lành mạnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra công tác Kế toán tại các doanh nghiệp. Thông qua các cuộc kiểm tra, nghiên cứu, tổng hợp các dạng sai phạm trong công tác kế toán tại các đơn vị trong đó có kế toán hàng tồn kho, trên cơ sở đó đưa ra các khuyến nghị chung để kế toán các đơn vị nghiên cứu tham khảo, áp dụng thực tế tại đơn vị mình.

2.4.2. Đối với Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng

- Liên hệ với Công ty cung cấp phần mềm kế toán, nghiên cứu đề xuất của tác giả để bổ sung các nội dung theo đề nghị vào phần mềm.

- Thông báo công khai trong Công ty trong việc bổ sung Sổ giao nhận chứng từ/Biên bản giao nhận chứng từ trong quá trình hoạt động để các bộ phận được biết và thực hiện.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ của bộ kế toán, nghiên cứu, bổ sung nhân viên kế toán mới để có thời gian bồi dưỡng, đào tạo, tích lũy kinh nghiệm để có tính kế thừa.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2, trên cơ sở nghiên cứu mục tiêu, cơ sở lý thuyết, điều kiện thực hiện của các giải pháp, tác giả đã đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng. Thông qua các giải pháp đề ra, tác giả cũng hy vọng đóng góp một phần ý tưởng cho mục tiêu đạt được hiệu quả tốt trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung cũng như kế toán hàng tồn kho nói riêng.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu và tìm hiểu thực tế về kế toán hàng tồn kho trong một Công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Miền Trung, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Điện, tác giả đã nỗ lực xây dựng đề án nhằm trình bày và phân tích những vấn đề liên quan đến kế toán hàng tồn kho tại Công ty kinh doanh trong lĩnh vực Điện.

Trên cơ sở tìm hiểu thực tế thực trạng kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng, đề án đã khái quát quá trình hình thành, hoạt động và định hướng phát triển của Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng, đề án cũng nêu rõ hình thức hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động của Công ty nói chung và cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty nói riêng, đề án cũng đã phản ánh thực tế công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty. Qua phân tích thực trạng kế toán hàng tồn kho tại Công ty, các kết quả đạt được và những hạn chế thách thức cùng với việc nhận diện những thách thức trong công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật về Luật Kế toán, các văn bản pháp luật khác có liên quan, Chuẩn mực kế toán, nghiên cứu các thực tế phát sinh trong các mối quan hệ xã hội như mối quan hệ giữa bộ phận kế toán với các bộ phận khác trong Công ty, mối quan hệ giữa Công ty với chính quyền thành phố Đà Nẵng, với các Sở, Ban, Ngành, với đối tác và với người dân, là những tổ chức, cá nhân mà Công ty phục vụ trực tiếp thông qua dịch vụ cung cấp Điện trực tiếp đến người tiêu dùng.

Mặc dù đã cố gắng nỗ lực hết mình, nhưng bản thân tác giả nhận thấy trình độ lý luận và kiến thức thực tiễn của bản thân vẫn còn rất nhiều hạn chế, bên cạnh đó, đặc thù ngành Điện nói chung rất đa dạng về

chúng loại vật tư thiết bị, hàng tồn kho, có nhiều điều mới mẻ mà lần đầu tiên tác giả tiếp cận. Ngoài ra, với khối lượng nghiệp vụ kế toán đồ sộ hoạt động liên tục và việc áp dụng phần mềm kế toán ERP vào quản lý (Phần mềm kế toán hầu như tác giả chưa có nhiều điều kiện để tiếp cận và nghiên cứu) khiến tác giả gặp nhiều trở ngại. Cùng với đó, tác giả nhận thấy bản thân chưa có chuyên môn sâu về lĩnh vực kế toán hàng tồn kho đối với Công ty sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực Điện nên việc nhận diện các thách thức trong công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng vẫn còn nhiều hạn chế dẫn đến việc chưa đưa ra được nhiều giải pháp mang tính thực tế cho Công ty. Với các nguyên nhân đó, tác giả rất mong muốn Hội đồng, các thầy, cô và các bạn đóng góp ý kiến bổ sung để nội dung của đề án được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, tác giả xin chân thành cảm ơn Thầy GS.TS Trương Bá Thanh, các anh, chị kế toán của Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng đã nhiệt tình hướng dẫn và giúp đỡ tác giả trong quá trình nghiên cứu để đề án được hoàn thành.

Xin chân thành cảm ơn!